

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Để phù hợp với Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Bảo hiểm Dầu khí theo nội dung sửa đổi đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

Trân trọng./.

**TUQ.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
UV.HĐQT/ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Tiến Hùng

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY NGÀY 31/10/2007

(Mục đích sửa đổi: Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và thực tiễn HĐCĐ của Công ty)

STT	ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU LỆ 31/10/2007 CẦN SỬA ĐỔI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1	Điểm d khoản 1 Điều 1 quy định: “ <u>Luật Doanh nghiệp</u> ” có nghĩa là <u>Luật doanh nghiệp số 60/2015/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005</u> .	Điểm d khoản 1 Điều 1 sửa đổi thành: “ <u>Luật Doanh nghiệp</u> ” có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014</u> .	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
2		Khoản 1 Điều 3 bổ sung ngành nghề kinh doanh: “ a. Đầu tư, kinh doanh bất động sản b. Đầu tư tài chính, mua bán sát nhập doanh nghiệp”	
3	Điểm h khoản 2 Điều 11 quy định: “ <u>Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp</u> ”.	Điểm h khoản 2 Điều 11 sửa đổi như sau: “ <u>Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp</u> ”	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại Điều 129 .
4	Điểm e khoản 3 Điều 13 quy định: “ <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</u> ”.	Điểm e khoản 3 Điều 13 sửa đổi như sau: “ <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</u> ”	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định trách nhiệm của người quản lý công ty tại Điều 160 .



5	<p>Điểm b khoản 4 Điều 13 quy định: “<i>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</i>”.</p>	<p>Điểm b khoản 4 Điều 13 sửa đổi như sau: “<i>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i>”</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về thẩm quyền triệu tập họp bất thường của Ban kiểm soát tại khoản 5 Điều 136.</p>
6	<p>Điểm c khoản 4 Điều 13 quy định: “<i>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</i>”.</p>	<p>Điểm c khoản 4 Điều 13 sửa đổi như sau: “<i>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i>”</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về thẩm quyền triệu tập họp bất thường của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 6 Điều 136.</p>
7	<p>Điểm 1 khoản 2 Điều 14 quy định: “<i>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</i>”.</p>	<p>Điểm 1 khoản 2 Điều 14 sửa đổi như sau: “<i>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</i>”.</p>	<p>Điểm d khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “<i>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ Công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác</i>”.</p>
8	<p>Điểm o khoản 2 Điều 14 quy định: “<i>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị</i></p>	<p>Điểm o khoản 2 Điều 14 sửa đổi như sau: “<i>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng</i></p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 quy định Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận đối với những</p>

		thông báo cho các cổ đông”	
10	Khoản 1 Điều 18 quy định: “Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết”.	Khoản 1 Điều 18 sửa đổi như sau: “Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết”.	Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định”.
11	Khoản 2 Điều 18 quy định: “Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có phiếu biểu quyết”.	Khoản 2 Điều 18 sửa đổi như sau: “Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có phiếu biểu quyết”.	Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định”.
12	Khoản 1 Điều 20 quy định: “Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;	Khoản 1 Điều 20 sửa đổi như sau: “Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do

	<p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành”.</p>	<p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành”</p>	<p>Điều lệ công ty quy định”</p>
<p>13</p>	<p>Khoản 2 Điều 20 quy định: “<u>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông</u>”.</p>	<p>Khoản 2 Điều 20 sửa đổi như sau: “<u>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông</u>”.</p>	<p>Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “<u>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</u></p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</u></p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định”.</p>

14	Khoản 2 Điều 21 quy định: “ <u>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông</u> ”.	Khoản 2 Điều 21 sửa đổi như sau: “ <u>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến và phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của từng cổ đông</u> ”.	Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “ <u>Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết <u>chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời gian khác dài hơn</u></u> ”.
15	Khoản 8 Điều 21 quy định: “ <u>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng văn bản và gửi đến Công ty đúng thời hạn quy định trong phiếu lấy ý kiến</u> ”.	Khoản 8 Điều 21 sửa đổi như sau: “ <u>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng văn bản và gửi đến Công ty đúng thời hạn quy định trong phiếu lấy ý kiến</u> ”	Khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện đề nghị quyết được thông qua quy định: “ <u>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định</u> ”.
16		Khoản 1 Điều 24 sửa đổi như sau: “ <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>ba (03) người</u></u> ”.	Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “ <u>Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị</u> ”. Sửa đổi bộ máy Quản trị Quản lý phù hợp với Luật Doanh nghiệp
17		Khoản 3 Điều 24 bổ sung như sau: “ <u>Các cổ đông nắm giữ đến 20% số cổ phần có quyền</u>	Việc bổ sung như bên là phù hợp với

		biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên (Những cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Hội đồng quản trị) từ 21% đến 40% được đề cử hai thành viên; từ 41% đến 65% được đề cử ba thành viên”	quy định pháp luật về bầu dồn phiếu.
18	Điểm d khoản 4 Điều 25 quy định: “Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông”.	Điểm d khoản 4 Điều 25 sửa đổi như sau: “Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông”	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 149 .
19	Khoản 4 Điều 28 quy định: “Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3, Điều 28, phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị”.	Khoản 4 Điều 28 sửa đổi như sau: “Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3, Điều 28, phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị”.	Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “ <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị</u> ”.
20	Khoản 7 Điều 28 quy định: “Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành	Khoản 7 Điều 28 sửa đổi như sau: “Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày làm việc trước	Khoản 6 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “ <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi</u>

	<p>viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.”</p>	<p>khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp”</p>	<p>thông báo mời họp <u>chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên”.</p>
21	<p>Khoản 1 Điều 36 về Thành viên Ban kiểm soát quy định: “Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có ba (03) thành viên. <u>Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán</u>. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. <u>Trưởng ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sáu khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.” 	<p>Khoản 1 Điều 36 sửa đổi như sau: “Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có ba (03) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Thành viên này không được giữ các chức vụ quản lý công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sáu khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.” 	<p>Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên”.</p> <p>Khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: “Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn”.</p> <p>Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014 về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên quy định: “Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật

			<p>này;</p> <p>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.”</p>
22	<p>Khoản 2 Điều 36 quy định: “Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên”.</p>	<p>Khoản 2 Điều 36 bổ sung như sau: Các cổ đông nắm giữ đến 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên (Những cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát) từ 21% đến 40% được đề cử hai thành viên; từ 41% đến 65% được đề cử ba thành viên”</p>	<p>Việc sửa đổi như bên là phù hợp với quy định pháp luật về bầu dòn phiếu.</p>